

Bản án số: 08/2021/HNGĐ –ST

Ngày: 25/ 01/2021

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tháo.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Quang Đình;

2. Ông Lê Văn Đức.

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Minh Quyền – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án đã thụ lý số: 494/2020/TLST –HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Đỗ Văn N**, sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp AV, xã PL, huyện BD, tỉnh BT.

Bị đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp AV, xã PL, huyện BD, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 20/7/2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Văn N trình bày như sau:*

Ông và bà Nguyễn Thị T sống chung với nhau từ vào năm 1985, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Phú L. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn trong chuyện tiền bạc, vợ chồng thường xuyên

cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vì vậy, ông và bà T đã ly thân từ tháng 5 năm 2011 cho đến nay. Nay ông không còn tình cảm với bà T nên chỉ yêu cầu ly hôn với Nguyễn Thị T.

Về con chung: Có 02 con chung là Đỗ Thành L, sinh ngày 27/7/1987. Cháu và Đỗ Văn H, sinh ngày 21/3/1988. Các con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 04/12/2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Thị T trình bày.*

Bà và ông Đỗ Văn N sống chung với nhau từ vào năm 1985, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Phú L. Vợ chồng vẫn bình thường, vợ chồng không có cãi vã, ông N khi lập nghiệp có quan hệ với người phụ nữ khác. Vì vậy, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2011 cho đến nay. Nay bà vẫn còn thương ông N, nên bà không đồng ý ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 02 con chung là Đỗ Thành L, sinh ngày 27/7/1987. Cháu và Đỗ Văn H, sinh ngày 21/3/1988. Các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị T cưới nhau vào năm 1985, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Phú L vào năm 1985 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2] Quá trình chung sống có hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy vợ chồng ông N, bà T không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn, theo ông N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông N có người phụ nữ khác. Vì vậy, vợ chồng ông N, bà T đã ly thân từ tháng 5 năm 2011 cho đến nay.

[3] Tại phiên tòa bà T không đồng ý ly hôn, bà chỉ đồng ý ly hôn khi bà và ông N thỏa thuận xong về tài sản. Tại phiên tòa bà T vẫn không có yêu cầu giải quyết về tài sản.

[4] Tuy bà T không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa bà T thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do ông N có người phụ nữ khác.

[5] Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà T là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[6] Về con chung: Có 02 con chung là Đỗ Thành L, sinh ngày 27/7/1987. Cháu và Đỗ Văn H, sinh ngày 21/3/1988. Các con chung đã trưởng thành nên bà T và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Bà T và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[8] Về nợ chung: Bà T và ông N khai không có, nên không xét đến.

[9] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Ông N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Văn N đối với bà Nguyễn Thị T. Ông N được ly hôn với bà T. Quan hệ hôn nhân của ông N và bà T chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Đỗ Thành L, sinh ngày 27/7/1987. Cháu và Đỗ Văn H, sinh ngày 21/3/1988. Các con chung đã trưởng thành nên bà T và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Bà T và ông N khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đỗ Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002093 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vậy án phí ông Đỗ Văn N đã nộp đủ.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Ủy ban nhân dân xã Phú L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tháo